

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 12/02/2025

“V/v kiện ly hôn”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Thuấn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Bùi Thị Kim Nga, ông Bùi Thế Hòa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Vinh, thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk** tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Diệu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 50/TB-TLVA, ngày 31/12/2025 về việc “Kiện ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXX-ST, ngày 13/01/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 24/01/2025 giữa các đương sự:

**- Nguyễn đơn:** Chị Trần Thị N, sinh ngày 01/5/1999 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk;

**- Bị đơn:** Anh Đinh Công S, sinh ngày 10/4/1998 (vắng mặt).

HKTT: Thôn T, xã L, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh;

Nơi cư trú cuối cùng: Thôn A, xã C, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk;

Chỗ ở hiện tại: Hàn Quốc (không rõ địa chỉ).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Đinh Công Á, sinh ngày 05/10/1970 và bà Nguyễn Thị H, sinh ngày 10/10/1968 (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:*

Năm 2023, tôi đang học nghề trang điểm tại phường G, Quận G, thành phố Hồ Chí Minh thì qua giới thiệu của người bác tên là Trần Thị T (em của bố), trú tại huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh có giới thiệu cho tôi gặp và quen biết anh Đinh Công S (sinh năm 1998, hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã L, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh). Qua thời gian tìm hiểu, quen biết nhau, tôi và anh S đã đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã C, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk ngày 01/03/2024 và làm lễ cưới theo phong tục. Sau khi kết hôn tôi và anh S về chung sống tại Thôn A, xã C, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk. Đến khoảng tháng 10/2024 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Sau đó anh S đi Hàn Quốc và không liên lạc với tôi nữa. Hiện nay, thông qua bố mẹ anh S tôi được biết anh S đang sinh sống tại Hàn Quốc nhưng không biết rõ địa chỉ.

Sau một khoảng thời gian dài vợ chồng không chung sống, không liên lạc được với nhau, hôn nhân không như mong muốn nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh S. Trong quá trình chung sống chúng tôi không có con chung, nợ chung, tài sản chung nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Quá trình tố tụng, Ông Đinh Công Á (bố đẻ của anh Đinh Công S) đã gọi video qua Messenger của mạng xã hội facebook cho anh Đinh Công S để Tòa án làm việc với anh S. Anh Đinh Công S trình bày:*

Tôi và chị Trần Thị N (sinh năm 1999) quen nhau và cưới nhau vào khoảng tháng 03/2024, chúng tôi có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk và làm lễ cưới theo phong tục, sau khi cưới chúng tôi về chung sống tại gia đình ngoại tại Thôn A, xã C, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk. Đến tháng 10/2024 chúng tôi phát sinh mâu thuẫn, sau đó tôi đi Hàn Quốc và ở lại Hàn Quốc làm việc đến nay. Từ đó đến nay chúng tôi không liên lạc với nhau nữa. Hiện nay chị N có làm đơn xin ly hôn thì tôi đồng ý ly hôn với chị N. Trong quá trình chung sống chúng tôi không có con chung, nợ chung, tài sản chung nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay tôi đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc. Do tính chất công việc là lao động tự do, việc làm chưa ổn định, thường xuyên di chuyển và chưa có chỗ ở cố định nên tôi không thể cung cấp địa chỉ cụ thể cho Tòa án được. Do tôi sinh sống và làm việc ở Hàn Quốc nên tôi không thể về Việt Nam để tham gia tố tụng được. Tôi đề nghị Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng cho tôi theo địa chỉ nhà của bố mẹ tôi và bố tôi là ông Đinh Công Á sẽ nhận thay để giao lại cho tôi.

*\* Trong quá trình tố tụng, ông Đinh Công Á, bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Chúng tôi là bố mẹ đẻ của cháu Đinh Công S, sinh năm 1998, còn cháu Trần Thị N, sinh năm 1999 là con dâu của chúng tôi.

Cháu S và cháu N cưới nhau vào khoảng tháng 03/2024, hai cháu có đăng ký kết hôn và làm lễ cưới theo phong tục, sau khi cưới hai cháu về chung sống tại gia đình nhà ngoại tại Thôn A, xã C, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk;

Trong quá trình chung sống hai cháu không có con chung. Đến tháng 10/2024 cháu S có đi Hàn Quốc và ở lại Hàn Quốc sinh sống. thỉnh thoảng cháu S có liên lạc về với vợ chồng tôi qua mạng xã hội facebook (mỗi tháng hai đến ba lần). Nhưng do tính chất công việc của cháu S phải di chuyển liên tục, không ở một địa chỉ cố định nên cháu S không cung cấp cho vợ chồng tôi biết. Số điện thoại cháu S cũng không có, cháu chỉ liên hệ qua mạng xã hội. Nên vợ chồng tôi không cung cấp cho Tòa án được.

Theo ý kiến của cháu S thì vợ chồng tôi nhận văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thay cho cháu S. Vợ chồng chúng tôi đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm giao lại cho cháu S.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N; chị Trần Thị N được ly hôn với ông Đinh Công S.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của những người tham gia tố tụng khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn chị Trần Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn anh Đinh Công S. Chị Trần Thị N chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của bị đơn là anh Đinh Công S, trú tại: Thôn A, xã C, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk. Ông Đinh Công Á, bà Nguyễn Thị H là bố mẹ của anh S đều xác định hiện nay anh S không cư trú tại Việt Nam mà hiện đang sinh sống, làm việc ở nước ngoài và không xác định được địa chỉ cụ thể. Thông qua gia đình Tòa án đã thu thập được ý kiến của anh S đối với việc giải quyết việc ly hôn, anh S cũng từ chối việc cung cấp địa chỉ cho Tòa án và yêu cầu Tòa án gửi văn bản tố tụng thông qua bố anh S là ông Đinh Công Á.

Tại Biên bản xác minh, Phòng Q – Công an tỉnh Đ cho biết anh Đinh Công S đã xuất cảnh ngày 29/11/2024 qua cửa khẩu Sân bay T1 trên đường bay TNS-ICN (Hàn Quốc), hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân gia đình; Công văn số 253/TANDTC-PC, ngày 26/11/2028 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người nước ngoài không rõ địa chỉ; Điều 10 Nghị quyết 01/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì Tòa án xác định đây là vụ án ly hôn có bị đơn là người nước ngoài không rõ địa chỉ và Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị Trần Thị N và anh Đinh Công S là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã C, huyện CK, tỉnh Đắk Lắk ngày 01/3/2024. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Hiện nay chị N và anh S không còn chung sống và không liên lạc với nhau, cả hai đều xác nhận không có con chung, không còn tình cảm với nhau và không muốn duy trì hôn nhân. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trần Thị N với anh Đinh Công S.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: chị N và anh S đều xác nhận không có con chung, tài sản chung và nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số: 0000004, ngày 30/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 123 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị N; chị Trần Thị N được ly hôn với anh Đinh Công S.

[2] Về án phí:

Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số: 0000004, ngày 30/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

[3] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn chị Trần Thị N được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Công Á, bà Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã C
- Các đương sự;
- CTTĐT Tòa án
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Nguyễn Duy Thuận**